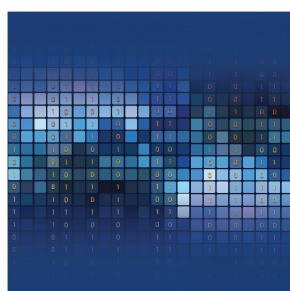
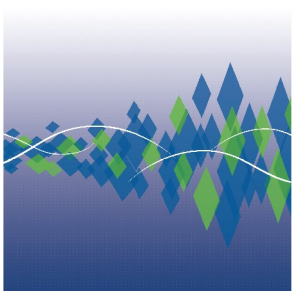




VIETFUND
MANAGEMENT

BẢN TIN QUÝ | VFM

Quý III/2013



Phát hành ngày 17/10/2013

MỤC LỤC

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Quý II/2012

Kinh tế vĩ mô	3
Thị trường chứng khoán	4

Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	5
Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VF4).....	7
Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA).....	9
Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)	11

Công ty điển hình

Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí (DPM)	12
Công ty cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (HPG)	13

Hoạt động Chăm sóc Nhà đầu tư	14
--	-----------

Cập nhật thông tin pháp lý.....	15
--	-----------

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUÝ III/2013

KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế tiếp tục có dấu hiệu phục hồi nhẹ với GDP tăng 5,14% trong 9 tháng 2013 so với 5,1% của cùng kỳ 2012.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tiếp tục xu hướng phục hồi nhẹ khi tăng 5,54% trong Quý III, mức tăng khá tốt so với 5% trong quý 2 và 4,76% trong quý 1. Mức tăng trưởng khá này thúc đẩy GDP của 9 tháng đầu năm thêm 5,14%, tăng nhẹ so với 5,1% của cùng kỳ 2012. Khu vực dịch vụ và sự hồi phục nhẹ của sản xuất công nghiệp tiếp tục hỗ trợ GDP trong khi khó khăn của khu vực nông nghiệp đè nặng lên tăng trưởng kinh tế khi chỉ tăng 2,39% so với 2,5% của cùng kỳ 2012 và 3,74% của cùng kỳ 2011.

Sản xuất tăng trở lại khi chỉ số nhà quản lý mua hàng (PMI) đạt 51,5, mức cao nhất từ tháng 4/2011.

Sau bốn tháng liên tục ở mức dưới 50, chỉ dấu sự suy giảm của sản xuất công nghiệp, chỉ số PMI do HSBC công bố đạt 51,5 trong tháng 9, cao nhất từ tháng 4/2011. Việc chỉ số PMI dần cải thiện trong ba tháng của Quý III cho thấy sản xuất công nghiệp đang có xu hướng phục hồi nhẹ trở lại, nhờ sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu chính là Nhật, Hoa Kỳ, Châu Âu, và Trung Quốc. Tuy khá lạc quan hơn với chỉ số PMI, các nhà kinh tế vẫn thận trọng với khả năng phục hồi thực sự của sản xuất trong thời gian tới.

Nhu cầu vẫn yếu cho dù có tăng nhẹ trong Quý III.

Cho dù có tăng nhẹ trong tháng 9, bán lẻ hàng hoá và dịch vụ vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi tốt khi chỉ tăng 12,5% so với 12,3% của tháng 8. Tuy nhiên, xu hướng tăng nhẹ vẫn tiếp tục với giá trị hàng hoá bán lẻ tăng 5,3% sau khi điều chỉnh lạm phát, so với 5,1% trong tháng 8.

Lạm phát tăng mạnh trong Quý III, đưa chỉ số CPI tăng lên 4,6% so với đầu năm.

Lạm phát tăng mạnh 1,06% trong tháng 9 so với 0,83% trong tháng 8, do ảnh hưởng của việc tăng giá các dịch vụ y tế và giáo dục. Tính chung cả Quý III, giá cả còn bị ảnh hưởng mạnh của việc tăng giá điện và giá xăng dầu. Lạm phát được mong đợi tiếp tục tăng 0,5%-0,8%/tháng trong ba tháng còn lại của năm, nâng mức lạm phát lên gần 7% cho cả năm.

Tín dụng đạt mức tăng khá trong điều kiện khó khăn.

Tín dụng có vẻ đã chạm đáy vào 2012 với mức tăng 8,91%. Tiếp tục giảm trong hai tháng đầu năm, hoạt động cho vay dần phục hồi giữa 2013 khi lãi suất cho vay giảm nhiều và nhu cầu vay quay trở lại. Cho đến cuối tháng 9, tín dụng tăng 6% so với đầu năm và 12,6% so với tháng 9/2012. Đây là mức tăng trưởng khá trong điều kiện khó khăn hiện nay.

Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng của năm và đầu tư nước ngoài FDI tốt.

Nhờ sự phục hồi tốt của các thị trường xuất khẩu chính Nhật Bản, Châu Âu, và Hoa Kỳ, hoạt động xuất khẩu đạt nhiều kết quả tốt. Theo đó, xuất khẩu trong chín tháng đạt 96,5 tỷ, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2012. Thêm vào đó, cơ cấu xuất khẩu đang dần thay đổi tốt hơn theo hướng tỷ trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng dần chiếm phần lớn hơn.

Hoạt động xuất khẩu tốt nhờ vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong 9 tháng, cả nước thu hút được 15 tỷ đô-la Mỹ, tăng 36,1% vốn FDI trong khi vốn giải ngân đạt 8,6 tỷ đô-la Mỹ.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong Quý III, thị trường trở nên kém hấp dẫn hơn, VN-Index mất 2,4% sau khi tăng 15% trong nửa năm đầu. Đóng góp mạnh vào biến động của thị trường là năm cổ phiếu chính: GAS, VNM, HPG, PVD, và DHG. Trong khi đó, HNX-Index giảm 2,9% trong Quý III. Sau ba tháng liên tục bán ròng, các nhà đầu tư nước ngoài quay lại và mua mạnh hơn trong tháng 9.

Giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày trên HOSE giảm so với trong hai quý đầu, đạt mức 810 tỷ đồng so với 998 tỷ trong quý 2 và 1.043 tỷ trong quý 1. Giá trị giao dịch trên HNX cũng giảm mạnh hơn so với trong nửa năm đầu với 163 tỷ/phiên so với 514 tỷ/phiên trong quý 1 và 334 tỷ/phiên trong quý 2.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục rút vốn trong tháng 7 và tháng 8 sau khi rút mạnh trong tháng 6. Lượng vốn rút ra khỏi thị trường Việt Nam được cho là thấp hơn so với vốn rút khỏi các thị trường châu Á khác, nhưng ảnh hưởng lớn đến thị trường khi VN-Index giảm 1,8% trong tháng 7 và 8 trước khi hồi phục 4,2% trong tháng 9. Nhà đầu tư nước ngoài cũng rút khỏi thị trường trái phiếu, làm giảm giá trái phiếu và tăng lãi suất. Việc suy giảm của thị trường trái phiếu và cổ phiếu, chủ yếu do nhà đầu tư nước ngoài, làm các nhà đầu tư trong nước thận trọng hơn. Đây có thể là lý do giá trị giao dịch giảm mạnh ở cả hai sàn trong Quý III.

Trong Quý III, chính phủ đưa ra một số chính sách hỗ trợ và công ty xử lý nợ xấu VAMC chính thức được thành lập. Tuy nhiên, những điều này có vẻ có ít ảnh hưởng lên thị trường. Nền kinh tế tiếp tục đối mặt với những vấn đề lớn hơn như giảm thu ngân sách, lạm phát tăng, và sự phục hồi mong manh của sản xuất. Do đó, cả nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đều thận trọng hơn cho dù thị trường Việt Nam được cho là đang trở nên hấp dẫn hơn các thị trường châu Á (ngoài Trung Quốc).

Quý 4 bắt đầu tin tích cực từ VAMC khi công ty này bắt đầu mua những khoản nợ đầu tiên từ một vài ngân hàng và có khả năng bơm tiền với lãi suất thấp ra thị trường (ước tính khoảng 2%/năm từ chiết khấu trái phiếu VAMC). Thêm vào đó, các ngân hàng bắt đầu tăng cho vay nhiều hơn khi lãi suất giảm và nhu cầu vay vốn tăng lại. Điều này sẽ giúp các công ty giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận trong thời gian tới. Kết quả hoạt động tốt của doanh nghiệp sẽ có tác động tích cực lên thị trường.

Việc rút vốn của nhà đầu tư nước ngoài đã dừng lại trong tháng 9 khi các nhà đầu tư này mua ròng 560 tỷ trên HOSE. Điều này sẽ giúp lấy lại niềm tin của các nhà đầu tư trong nước và hỗ trợ thị trường trong quý 4. Nhờ vào định hướng của Chính Phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài sẽ tăng lòng tin đầu tư vào Việt Nam, kể cả vốn trực tiếp FDI và vốn gián tiếp vào thị trường vốn.

QUỸ ĐẦU TƯ

Tên Quỹ	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Viet Nam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Tên viết tắt	Quỹ đầu tư VF1
Mã giao dịch	VFMVF1
Vốn điều lệ	1.000 tỷ đồng
Mệnh giá	10.000 đồng/đơn vị quỹ
Thời hạn hoạt động	Không thời hạn
Ngày chuyển đổi thành quỹ mở	08/10/2013
Ngân hàng giám sát, lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered
Công ty kiểm toán	Công ty PricewaterhouseCoopers (PWC)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, dựa trên cơ sở cổ tức từ các khoản đầu tư và được sự chấp thuận của Đại hội Thường niên.
Phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí quản lý: 1,95%/ NAV/ năm, - Phí giám sát: không quá 0,035%/ NAV/ năm (không chịu thuế VAT) - Phí lưu ký: không quá 0,06%/ NAV/ năm - Phí dịch vụ quản trị quỹ: 0,02%/NAV/ năm - Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng: không quá 0,03%/NAV/năm

VF1

Tình hình hoạt động quỹ trong Quý III/2013

Sau giai đoạn điều chỉnh và diễn biến đi ngang vào cuối quý II và giữa Quý III/2013, thị trường chứng khoán đã có những phiên tăng trưởng mạnh mẽ trở lại vào cuối quý III về cả giá trị lẫn thanh khoản. Theo nghị quyết của Đại hội bất thường nhà đầu tư VF1, quỹ đã tạm dừng các hoạt động đầu tư vào giữa quý III. Nhưng nhờ vào việc xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả, quỹ vẫn hưởng lợi từ sự tăng trưởng của các cổ phiếu lẫn các khoản lãi từ 40% NAV là tiền khả dụng. Qua đó, quỹ VF1 ghi nhận mức tăng trưởng 5,7% trong Quý III.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/09/2013, VN-Index đạt 492,63 điểm, tăng 2,4% so với 30/06/2013 trong khi HNX-Index đạt 60,95 điểm, giảm 2,6% trong quý. Kết thúc Quý III/2013, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 18,798 đồng/ chứng chỉ quỹ, tăng 5,7% trong quý.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/09/2013			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	10.000	1.879,8	18.798	4,1	5,7	8,4	23,7	23,7	88,0*
VN-Index			492,6	4,2	2,4	0,3	19,1	19,1	88,3
HNX-Index			61,0	(0,4)	(2,6)	1,2	6,8	6,8	(39,1)

(*) Không bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index 20/05/2004 = 100



5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	18,7
FPT	HOSE	8,9
DPM	HOSE	6,1
REE	HOSE	4,9
GAS	HOSE	4,1

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	11,6	(2,0)	4,4	(1,6)	9,4	(4,7)	2,4	(0,9)	4,1				23,7	32,7
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)	(1,7)	(3,4)	0,7	(2,0)	6,0	17,1	17,1
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)*	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1*	46,1*
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)*	15,2	31,0	175,1*	175,1*
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(*) : Tính trên vốn bình quân

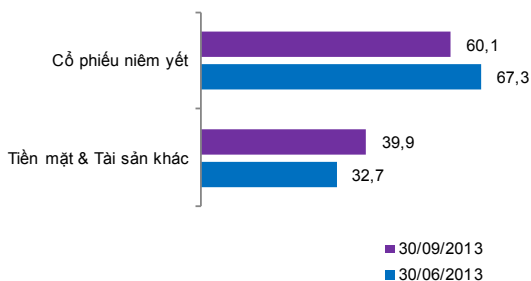


Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý III/2013	Lũy kế từ đầu năm	
Tăng trưởng NAV (%)	5,7	23,7	100,0
Tổng các khoản đầu tư	7,7	24,3	60,1
Theo loại cổ phiếu			
Cổ phiếu niêm yết	7,7	25,6	60,1
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	(1,9)	-
Trái phiếu	-	-	-
5 ngành tỷ trọng cao nhất			
Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá	6,3	58,2	20,4
Vật Liệu	6,2	20,3	11,1
Bán Lẻ	10,8	23,3	8,9
Năng Lượng	26,1	42,7	7,8
Hàng Hóa Công Nghiệp	6,2	22,3	4,9

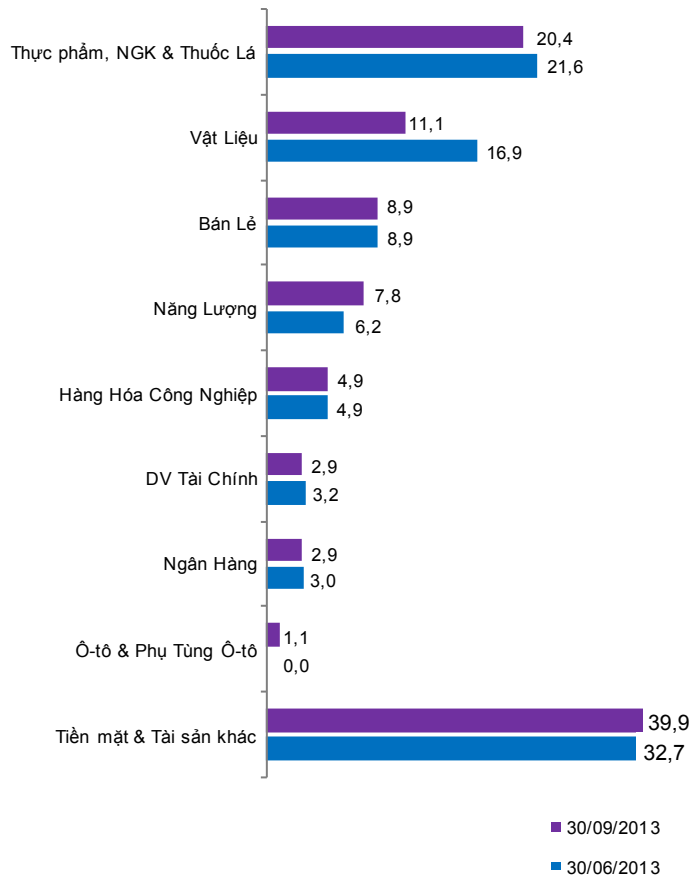
Trong Quý III/2013, danh mục cổ phiếu niêm yết cho tỷ suất sinh lợi 7,7% nhờ chủ yếu từ sự tăng trưởng của các ngành có tỷ trọng lớn nhất như ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá tăng 6,3 %, ngành Vật Liệu tăng 6,2 %, ngành Bán Lẻ tăng 10,8 %, ngành Năng Lượng tăng 26,1 %, ngành Hàng Hóa Công Nghiệp tăng 6,2 %.

Phân bổ tài sản



Theo Nghị quyết của Đại hội bất thường nhà đầu tư VF1, tỷ trọng tiền mặt được đưa về mức 39,9% NAV tại ngày 30/09/2013, tăng 7,2% so với cuối Quý II.

Cơ cấu danh mục đầu tư



Trong Quý III, theo nghị quyết của đại hội bất thường nhà đầu tư VF1 và mục đích tuân thủ các quy định về giới hạn tỷ trọng của quỹ mở, quỹ đầu tư VF1 đã tiến hành chốt lời các cổ phiếu thuộc ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá, Vật liệu và Năng lượng qua đó tỷ trọng các ngành này lần lượt còn 20,4% NAV, 11,1% NAV, và 6,2% NAV. Bên cạnh đó quỹ cũng tiến hành giải ngân vào một số cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng và cơ bản tốt vào ngành Ô-tô & Phụ tùng Ô-tô, nâng tỷ trọng ngành này lên 1,1% NAV.

Hoạt động giải ngân và thanh toán đã đem lại khoản lợi nhuận tốt cho quỹ và cũng nâng tỷ trọng tiền mặt của quỹ lên 39,9 % NAV tại ngày 30/09/2013.

Tính đến thời điểm 30/09/2013, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 14 cổ phiếu thuộc 8 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành có tỷ trọng lớn nhất chiếm 53.16% NAV bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (20,4% NAV)
- + Vật Liệu (11,1% NAV)
- + Bán Lẻ (8,9% NAV)
- + Năng Lượng (7,8% NAV)
- + Hàng Hóa Công Nghiệp (4,9% NAV)

QUỸ ĐẦU TƯ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/06/2008
Thời gian hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý Quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,08%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào quá trình cổ phần hoá của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

VF4

Tình hình hoạt động quỹ trong Quý III/2013

Thị trường trong Quý III diễn biến theo hướng tích lũy với VN-Index có 2 lần vượt lên 500 điểm trong tháng 7 và tháng 8. Tuy nhiên lực bán của khối ngoại đã cản trở phần nào nỗ lực tăng điểm của VNIndex, kèm theo đó là thanh khoản thị trường sụt giảm so với Quý II làm giảm tính hấp dẫn của thị trường. Tới tháng 9, thị trường đã có gần một tháng tích lũy ở ngưỡng hỗ trợ quanh 470 điểm và đã có những phiên hồi phục khá chắc chắn tới mốc 500 điểm vào cuối tháng.

Cuối Quý III, Quỹ đã thực hiện cơ cấu lại danh mục nhằm đáp ứng các điều kiện chuyển đổi sang Quỹ mở theo đúng yêu cầu của nghị quyết Đại hội bất thường nhà đầu tư của Quỹ VF4. Theo đó, Quỹ đã thực hiện thanh toán và nâng tỷ trọng tiền mặt từ 3% NAV cuối Quý II lên 12,2% NAV vào ngày 30/9/2013.

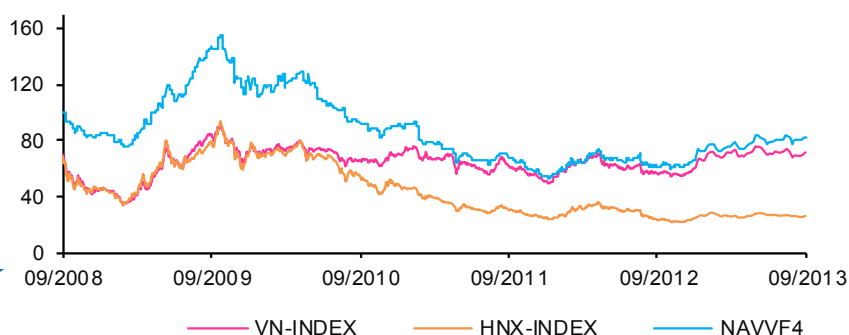
Cùng với đà tăng trưởng của thị trường, NAV của quỹ đầu tư VF4 tại ngày 30/09/2013 đạt 8.314 đồng/chứng chỉ quỹ và tăng 6,8% trong Quý III. Trong khi đó, VN-Index chỉ tăng 2,4%, HNX-Index giảm 2,6% trong cùng kỳ.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/9/2013			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF4	806,5	670,5	8.314	5,2	6,8	8,7	25,6	25,6	3,1*
VN-Index			492,6	4,2	2,4	0,3	19,1	19,1	(28,2)
HNX-Index			61,0	(0,4)	(2,6)	1,2	6,8	6,8	(73,8)

(*) Đã bao gồm cổ tức đã chốt trả cho NĐT

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index



5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	18,4
FPT	HOSE	13,4
GAS	HOSE	7,9
DPM	HOSE	7,5
REE	HOSE	5,8

Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2013	15,1	(3,7)	4,2	(2,3)	11,6	(6,7)	2,8	(1,3)	5,2				25,6	35,5
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)	(3,6)	(3,7)	1,1	(1,5)	7,7	20,2	20,2
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

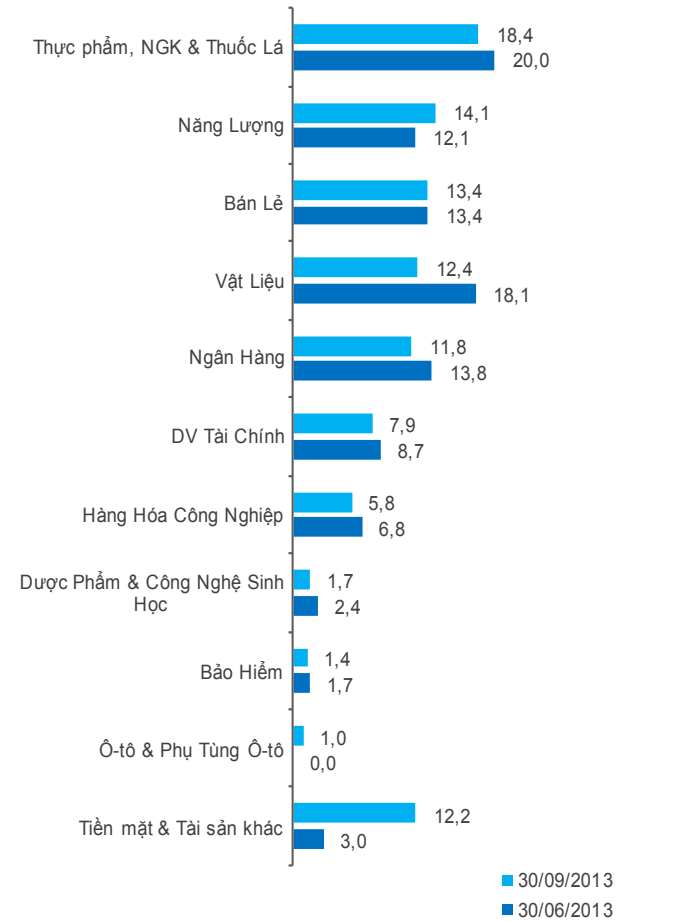


Đánh giá tình hình danh mục đầu tư

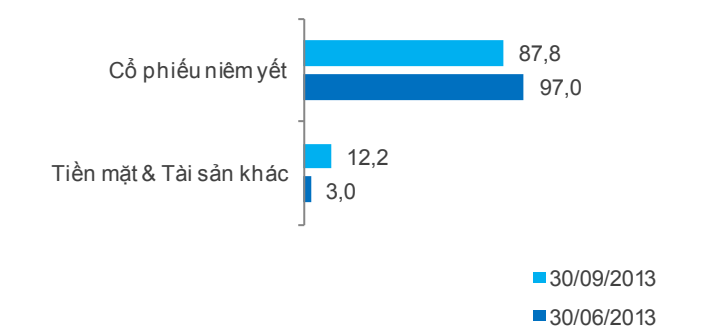
	Lãi/lỗ (%)		Tỷ trọng trong NAV (%)
	Quý III/2013	Luỹ kế từ đầu năm	
Tăng trưởng NAV (%)	6,8	25,6	100,0
Tổng các khoản đầu tư	7,3	24,7	87,8
Theo loại cổ phiếu			
Cổ phiếu niêm yết	7,3	24,7	87,8
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-
5 ngành tỷ trọng cao nhất			
Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá	8,1	58,3	18,4
Năng Lượng	22,9	45,9	14,1
Bán Lẻ	11,4	23,8	13,4
Vật Liệu	13,0	31,9	12,4
Ngân Hàng	(4,8)	(3,0)	11,8

Trong Quý III/2013 tăng trưởng của danh mục cổ phiếu niêm yết đạt 7,3% trong đó 5 ngành có tỷ trọng lớn nhất tỷ suất lợi nhuận là ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá tăng 8,1%, ngành Năng Lượng tăng 22,9%, ngành Bán Lẻ tăng 11,4%, ngành Vật Liệu tăng 13%, còn ngành Ngân Hàng giảm 4,8%.

Cơ cấu danh mục đầu tư



Phân bổ tài sản



Do hoạt động thanh toán trong Quý III/2013, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết giảm từ 97% NAV tại ngày 30/06/2013 xuống 87,8% NAV tại ngày 30/09/2013 và tỷ trọng tiền mặt tăng từ 3% NAV tại ngày 30/06/2013 lên 12,2% NAV tại ngày 30/09/2013.

Kết thúc Quý III/2013, tỷ trọng các ngành Thực phẩm NGK & Thuốc lá, Vật liệu, Hàng hóa công nghiệp giảm chủ yếu do hoạt động thanh lý nhằm đạt tỷ trọng theo yêu cầu chuyển đổi Quỹ mở. Riêng ngành Năng lượng có mức tăng khá và vượt lên đứng thứ 2 sau ngành Thực phẩm do mức tăng mạnh của thị giá các cổ phiếu thuộc ngành này mà VF4 đang nắm giữ. Các ngành khác không có nhiều biến động về tỷ trọng.

Tính đến thời điểm 30/09/2013, danh mục đầu tư của quỹ VF4 bao gồm 17 cổ phiếu thuộc 10 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (18,4% NAV)
- + Năng Lượng (14,1% NAV)
- + Bán Lẻ (13,4% NAV)
- + Vật Liệu (12,4% NAV)
- + Ngân Hàng (11,8% NAV)

QUỸ ĐẦU TƯ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên viết tắt	Quỹ đầu tư VFMVFA
Hình thức của quỹ	Quỹ công chúng dạng mở
Vốn điều lệ huy động lần đầu	240.437.600.000 đồng
Giá trị đăng ký mua tối thiểu	10.000.000 (mười triệu) đồng
Thời gian giao dịch định kỳ	
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn
Ngày thành lập	02/04/2010
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Công ty Kiểm toán	Công ty KPMG
Công ty tư vấn luật	Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF)
Phí	- Phí quản lý 2%/ NAV/ năm - Phí giám sát: 0,02%/NAV/năm - Phí lưu ký: 0,06%/NAV/năm và các phí khác.

VFA

Tình hình hoạt động quỹ trong Quý III/2013

Trong Quý III/2013, thị trường cổ phiếu Việt Nam biến động ngược chiều nhau khi VN-Index tăng 2,4% trong khi đó HNX-Index giảm 2,6%. Quý III/2013 VN-Index tăng điểm mạnh là nhờ sự tăng giá mạnh của các cổ phiếu có vốn hóa lớn nên chiếm tỷ trọng cao trong VN-Index như GAS và VNM.

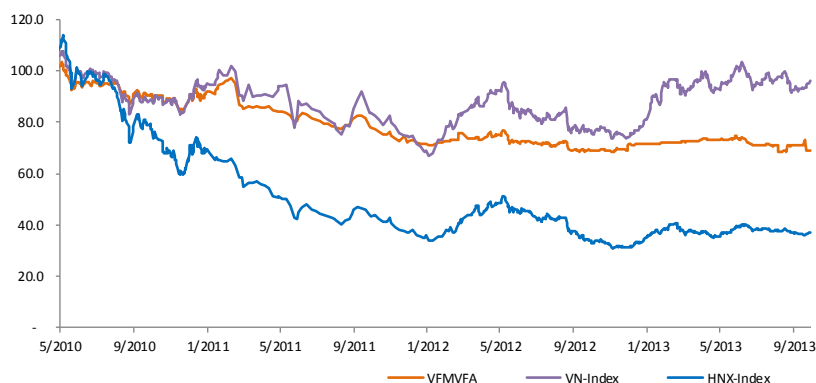
Tại ngày 30/9/2013, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 6.906,1 đồng/ccq, giảm 3,0% so với ngày 30/6/2013.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	QIII/2013			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
	Tổng số CCQ mở (triệu đơn vị)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng			
VFMVFA	17,7	122,4	6.906,1	(2,6)	(3,0)	(5,3)	(3,6)	(3,6)	(30,9)	
VN-Index			492,6	4,2	2,4	0,3	19,1	19,1	(3,5)	
HNX-Index			61,0	(0,4)	(2,6)	1,2	6,8	6,8	(62,9)	

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Index

02/04/2010 = 100



Đánh giá tình hình danh mục

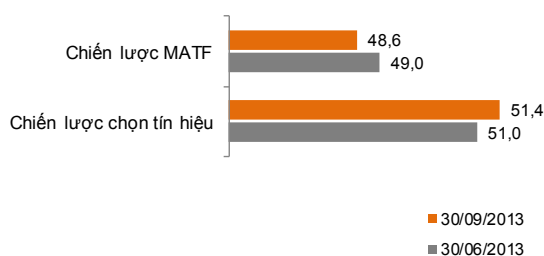
	% NAV	ROI QIII/2013	Đóng góp vào NAV (%)
Chiến lược MATF trên cổ phiếu	48,6	(3,9)	(1,9)
Chiến lược HQT	51,4	(2,2)	(1,1)
Tổng	100,0		-3,0

Trong Quý III/2013, Chiến lược MATF trên cổ phiếu (chiếm tỷ trọng 48,6% NAV) thực hiện giải ngân 7,2 tỷ đồng và thanh toán 10,2 tỷ đồng các cổ phiếu trên sàn HOSE chiếm 100% tỷ lệ giải ngân và thanh toán trên cổ phiếu của quỹ. Chiến lược chọn lọc tín hiệu không có mua bán cổ phiếu trong cùng kỳ.

Trong Quý III/2013, Quỹ VFMVFA đầu tư vào các loại tài sản phi rủi ro hoặc có rủi ro thấp như trái phiếu chính phủ ngắn và trung hạn, điều này dẫn đến tỷ trọng trái phiếu trong danh mục tăng lên 54,8%. Việc mua trái phiếu chính phủ nhằm đảm bảo tiền và tiền gửi ngân hàng không vượt quá 49% tổng tài sản theo quy định về đầu tư Quỹ mở của Bộ tài chính.

Tại những ngày cuối tháng 9/2013 giá giao dịch của trái phiếu mà Quỹ đang nắm giữ thấp hơn so với giá trị thực (tính theo mức lãi suất trên thị trường) khoảng 4,2% và làm tỷ suất lợi nhuận (ROI) của 2 chiến lược MATF trên cổ phiếu và Chiến lược chọn lọc tín hiệu lần lượt là -3,9% và -2,2% và đóng góp -1,9% và -1,1% cho mức giảm NAV. Theo quan điểm của chúng tôi, giá của trái phiếu sẽ nhanh chóng quay lại giá trị thực trong vài ngày tới.

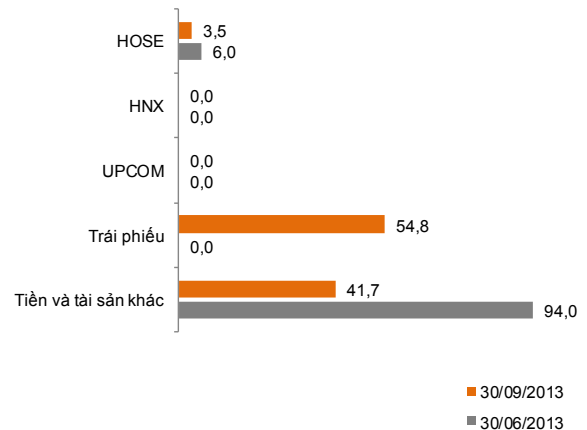
Theo tín hiệu mua bán (%)



Quý III/2013 là quý phản ánh xu hướng không rõ ràng của thị trường cổ phiếu, vì thế Chiến lược chọn lọc tín hiệu đã chọn giải ngân vào tài sản phi rủi ro và Chiến lược MATF trên cổ phiếu đã giảm mạnh quy mô đầu tư trên cổ phiếu. Vì thế quy mô mua bán cổ phiếu trong Quý III/2013 là rất thấp.

Tại ngày 30/9/2013 tỷ trọng của các chiến lược không có thay đổi nhiều so với quý trước, Chiến lược MATF trên cổ phiếu giảm tỷ trọng từ 49,0% xuống 48,6% và Chiến lược chọn lọc tín hiệu tăng tỷ trọng từ 51,0% lên 51,4%. Nguyên nhân chủ yếu là do sự biến động tương đối của các khoản đầu tư trong từng chiến lược.

Phân bổ tài sản (%)



Trong Quý III/2013 Quỹ VFMVFA thực hiện giải ngân vào trái phiếu chính phủ trung và ngắn hạn, làm cho tỷ trọng trái phiếu tăng từ 0% lên 54,8% so với quý trước. Đây cũng là nguyên nhân làm cho tỷ lệ tiền mặt giảm từ 94,0% xuống còn 41,7%.

Ngoài ra Quý III/2013 Chiến lược MATF thực hiện mua bán một phần nhỏ các cổ phiếu trên sàn HOSE, cho nên làm cho tỷ lệ cổ phiếu trên sàn HOSE giảm từ 6,0% xuống 3,5%. Quỹ VFMVFA hiện tại không đầu tư các cổ phiếu trên sàn HNX và UPCOM do các cổ phiếu này không đạt chỉ tiêu về thanh khoản và mức an toàn tài chính do mục tiêu quỹ đề ra.

QUỸ ĐẦU TƯ

VFMVFB

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFB)
Tên viết tắt	Quỹ đầu tư VFMVFB
Hình thức của quỹ	Quỹ công chứng dạng mở
Vốn điều lệ huy động lần đầu	99.574.822.600 đồng
Giá trị đăng ký mua tối thiểu	20.000.000 (mười triệu) đồng
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn
Ngày thành lập	10/06/2013
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Kiểm toán	Ernst & Young Vietnam Ltd.
Phí	- Phí quản lý 2%/ NAV/năm - Phí giám sát: 0,02%/NAV/năm - Phí lưu ký: 0,06%/NAV/năm - và các phí khác.

Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu, các loại chứng khoán phát sinh giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

Tình hình hoạt động quỹ trong Quý III/2013

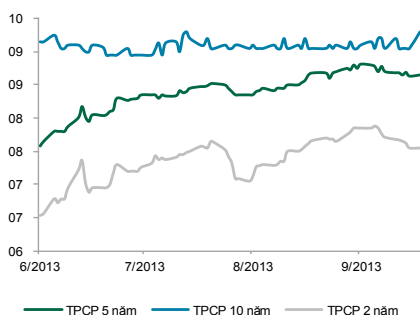
Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) bắt đầu giao dịch từ ngày 28/06/2013. Quỹ bắt đầu thực hiện đầu tư từ đầu tháng 7/2013 vào trái phiếu có kỳ hạn 3 năm với thời gian còn lại của trái phiếu tới thời điểm báo cáo là dưới 2,4 năm. Tới thời điểm 10/10/2013, giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ tăng 0,7% so với thời điểm bắt đầu hoạt động và danh mục đầu tư hiện tại của quỹ có tính thanh khoản cao. Trong thời gian từ tháng 7 tới tháng 10/2013, thị trường trái phiếu tập trung giao dịch vào trái phiếu có kỳ hạn 2 năm và 3 năm, lãi suất giao dịch trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 3 năm có mức độ biến động mạnh (80 điểm cơ bản). Sự biến động của lãi suất nêu trên đã hạn chế sự tăng trưởng NAV của quỹ. NAV của quỹ cũng có sự biến động mạnh do tác động của các biến động bất thường của giá trái phiếu đang nắm giữ (xem chi tiết ở phần ghi chú đô thị).

Sau thời điểm ngày 01/10/2013, các biến động bất thường như đã xảy ra vào tháng 8 và 9 đối với NAV của quỹ sẽ không còn nữa, do Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt bổ sung phương pháp xác định giá trị tài sản ròng để loại bỏ tác động của các biến động bất thường không hợp lý. Trong thời gian trên quỹ đã thực hiện các hoạt động bán và mua lại trái phiếu và hoạt động gửi tiền để gia tăng thu nhập cho quỹ. Với xu hướng giảm của lãi suất cho các kỳ hạn dưới 3 năm bắt đầu xuất hiện từ cuối tháng 9 tới cuối năm, NAV của quỹ VFMVFB sẽ có sự tăng trưởng tốt trong quý IV.

Thay đổi giá trị tài sản ròng

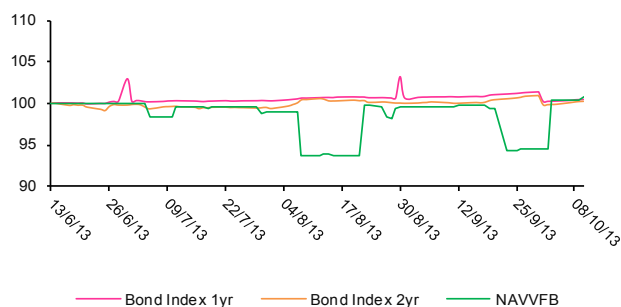
	30/9/2013			Tăng trưởng (%)		
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	99,6	85,6	10.070,3	6,7	0,7	0,7
Bond Index 1 Year			180,2	(0,9)	5,9	0,5
Bond Index 2 Year			185,5	(0,7)	8,6	0,2

LỢI SUẤT



Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng Bond_Index

10/06/2013 = 100



(* Ghi chú: NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN & HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - DPM

VỊ THẾ CÔNG TY

Tổng Công Ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí (DPM) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ 01/2004. Chức năng và nhiệm vụ chính của DPM là quản lý và vận hành nhà máy phân bón Phú Mỹ một cách hiệu quả; từ đó sản xuất và cung cấp ra thị trường các loại phân ure, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa học khác.

DPM là công ty đầu tiên của Việt Nam áp dụng công nghệ sản xuất phân ure từ khí với các thiết bị chính của nhà máy được nhập từ Châu Âu.

Đồng thời, DPM cũng là đơn vị cung cấp phân ure hàng đầu Việt Nam với công suất hơn 800.000 tấn/năm. Hiện nay, công ty chiếm 40% thị phần phân bón toàn quốc. Hơn nữa, do phần lớn máy móc thiết bị đã được khấu hao hết hoặc gần hết, DPM có lợi thế cạnh tranh lớn so với các công ty phân bón khác nhờ vào chi phí sản xuất thấp.

Trong 2 năm gần nhất, DPM đạt được kết quả kinh doanh rất ấn tượng với lợi nhuận ròng hơn 3.000 tỷ VNĐ mỗi năm. Bên cạnh đó, công ty cũng có tình hình tài chính rất lành mạnh với 6.000 tỷ VNĐ tiền mặt, chiếm 63% tổng tài sản và hầu như không có nợ vay.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG

Khả năng tăng trưởng về doanh thu trong 2 năm tới bị giới hạn do (i) nhà máy Phú Mỹ hiện đã và đang hoạt động hết công suất, không mở rộng thêm và (ii) do chủ trương chung từ công ty mẹ là PVN nên công ty chưa có dự án đầu tư nào mới.

Tuy vậy, với khoản lợi nhuận sau thuế mỗi năm và lượng tiền mặt dồi dào, chúng tôi kỳ vọng DPM có khả năng sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt khoảng 40%-45% mỗi năm trong 2 năm tới, điều mà công ty đã từng làm trong năm ngoái. Với giá thị trường hiện nay thì cổ phiếu đang giao dịch với mức lợi tức là ~10%, một mức khá tốt ở thời điểm này.

KẾT QUẢ 6 THÁNG 2013 VÀ DỰ BÁO CẢ NĂM

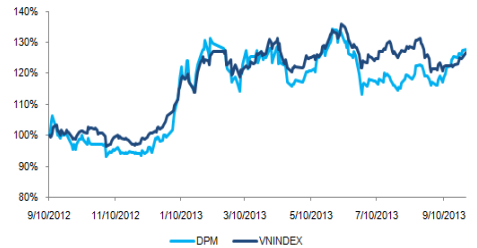
Trong 6 tháng đầu năm, DPM đạt 6.100 tỷ doanh thu, đạt hơn 57% kế hoạch năm, nhưng đã hoàn thành 84% kế hoạch lợi nhuận ròng cả năm với số thực tế là 1.617 tỷ đồng.

Chúng tôi dự báo cả năm DPM có thể đạt lợi nhuận ròng khoảng 2.450 tỷ, cao hơn 28% so với kế hoạch của họ ở đại hội cổ đông 2013.

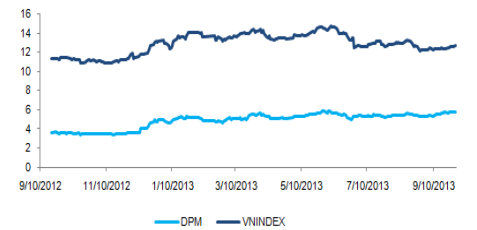
CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 30/09/2013

Giá Cổ Phiếu	41.200
Tăng Trưởng Giá (%)	26,8
Tăng Trưởng So Với Index (%)	9,0
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VNĐ)	1.565,6
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	379,9
Sở Hữu Nhà Nước (%)	61,4
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	20,1
Tỷ Trọng Index (%)	2,0
Tỷ Trọng VN30 (%)	2,0
P/E (x)	5,6
P/B (x)	1,6
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	10,9

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



TÀI CHÍNH	2011	2012	KH 2013	2013F	2014F	YTD 2013	4 QUÝ GẦN NHẤT
Doanh Thu Thuần (Triệu VNĐ)	9.226,5	13.321,9	10.710,0	9.421,1	7.794,8	6.099,7	12.332,5
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	39,4	44,4	(19,6)	(29,3)	(17,3)	n/a	(0,1)
Lợi Nhuận Sau Thuế (Triệu VNĐ)	3.140,6	3.067,6	1.915,0	2.448,0	2.000,6	1.617,2	2.672,6
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	82,3	(2,8)	(37,6)	(20,5)	(18,4)	n/a	(0,1)
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	43,7	32,5	n/a	36,0	36,8	35,8	32,8
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	34,0	23,0	0,2	26,0	25,7	26,5	21,7
ROE (%)	37,7	33,9	n/a	26,8	20,1	n/a	28,7
ROA (%)	33,4	28,6	n/a	22,7	17,3	n/a	24,0
EPS (VNĐ)	8.220,0	7.990,0	5.039,5	6.308,7	5.176,7	4.201,0	7.033,0
Tăng Trưởng EPS (%)	-	(2,8)	(36,9)	(21,0)	(17,9)	n/a	(0,1)
DPS (VNĐ)	3.500,0	4.500,0	2.500,0	4.500,0	4.000,0	n/a	n/a
BVPS (VNĐ)	21.786,7	23.726,7	n/a	25.630,0	26.160,4	25.447,0	25.447,0
P/E (x)	2,9	4,5	8,2	6,5	8,0	n/a	5,9
P/B (x)	1,1	1,5	n/a	1,6	1,6	1,6	1,6
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	0,0	0,0	n/a	0,0	0,0	-	-
Khả Năng Thanh Toán (x)	7,0	5,2	n/a	6,1	5,1	5,5	5,5

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT - HPG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Hòa Phát là tập đoàn công nghiệp tư nhân có hoạt động cốt lõi là sản xuất thép xây dựng. Ngoài thị phần thứ 2 trong mảng thép xây dựng, Hòa Phát còn chiếm lĩnh vị trí hàng đầu trong hoạt động sản xuất ống thép, nội thất. Ngoài ra, công ty cũng kinh doanh thêm trong các mảng như điện lạnh và máy xây dựng.

Năm 2009, Hòa Phát hoàn thành khu liên hợp gang thép giai đoạn 1 với công suất 350,000 tấn/năm. Với việc xây dựng thành công và sản xuất thép tại khu liên hợp thép, Hòa Phát đã nâng thị phần lên thứ 2 toàn ngành thép xây dựng với 14,2% thị phần. Ngoài ra, khu liên hợp đã giúp Hòa Phát giảm được chi phí sản xuất, cải thiện lợi nhuận trong những năm 2011-2012 khó khăn vừa qua với hơn 70% lợi nhuận toàn tập đoàn từ hoạt động sản xuất thép.

Năm 2012, Hòa Phát triển khai xây dựng khu liên hợp giai đoạn 2 với công suất 500,000 tấn thép xây dựng/năm. Khu liên hợp giai đoạn 2 đang trong giai đoạn hoàn thành, giúp Hòa Phát nâng công suất sản xuất thép lên 1,1 triệu tấn/năm, cạnh tranh vị trí số 1 thị phần với Pomina trong năm 2014.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG

Ngành thép đang có sự phục hồi khá tốt trong năm 2013 với tăng trưởng hơn 3% trong 8 tháng năm nay so với cùng kỳ năm ngoái. Với cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, ngành thép còn nhiều cơ hội để phát triển trong những năm tới.

Cuối tháng 8/2013, HPG chiếm khoảng 14,2% thị phần thép xây dựng toàn quốc. Với việc đưa khu liên hợp thép giai đoạn 2 công suất 500,000 tấn/năm vào hoạt động vào tháng 10.2013, HPG sẽ nâng công suất sản xuất lên 1,1 triệu tấn thép/năm, đủ khả năng cạnh tranh vị trí số 1 của Pomina trong thời gian tới.

Với khu liên hợp giai đoạn 1 và 2 đi vào sản xuất, HPG nâng cao khả năng kiểm soát chi phí sản xuất khi tỷ lệ lợi nhuận biên gộp và ròng luôn cao nhất ngành sản xuất thép trong nước. HPG đang cố gắng giảm chi phí sản xuất, nâng cao biên lợi nhuận để cạnh tranh với thép Trung Quốc.

Hoạt động kinh doanh bất động sản của HPG đang có diễn biến tốt khi dự án Mandarin Garden- dự án lớn nhất hiện tại của HPG- đã bán được khoảng 80% căn hộ tại dự án này.

KẾT QUẢ 6 THÁNG 2013 VÀ DỰ BÁO CẢ NĂM

Sáu tháng đầu năm 2013, HPG đã đạt được những kết quả vượt mong đợi với 1,012 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trưởng hơn 86% so với cùng kỳ. Theo phân tích, đạt được kết quả tốt trong 6 tháng đầu năm 2013 là do các yếu tố: i) giảm chi phí sản xuất do chạy ổn định khu liên hợp thép, ii) chi phí lãi vay giảm mạnh so với cùng kỳ, iii) giá thép trong nước ổn định trong 6 tháng đầu năm trong khi giá thép thế giới giảm. Sáu tháng cuối năm 2013, giá thép trong nước có điều chỉnh giảm so với quý 2/2013. Sản lượng tiêu thụ của 6 tháng cuối năm thường không tốt như nửa đầu năm do yếu tố thời tiết (mùa mưa tại Phía Bắc). Do vậy, kết quả kinh doanh 2013 của HPG dự báo đạt khoảng 19,420 tỷ đồng doanh thu, tăng 15% so với 2012, lợi nhuận sau thuế đạt 1.706 tỷ, tăng 65.6% so với 2012.

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH 30/09/2013

Giá Cổ Phiếu	36.300,0
Tăng Trưởng Giá (%)	81,5
Tăng Trưởng So Với Index (%)	60,5
Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	15.211,6
Số Lượng Cổ Phiếu (Triệu)	419,1
Sở Hữu Nhà Nước (%)	-
Sở Hữu Nước Ngoài Còn Lại (%)	5,3
Tỷ Trọng Index (%)	1,9
Tỷ Trọng VN30 (%)	5,4
P/E (x)	10,1
P/B (x)	1,7
Cổ Tức/Giá Cổ Phiếu (%)	5,5

BIỂU ĐỒ GIÁ



BIỂU ĐỒ P/E



TÀI CHÍNH	2011	2012	KH 2013	2013F	2014F	YTD 2013	4 QUÝ GẦN NHẤT
Doanh Thu Thuần (Triệu VND)	17.851,9	16.857,8	18.500,0	19.420,5	25.679,5	8.410,4	16.667,9
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	25,13	(5,57)	9,74	15,20	32,23	(4,01)	(1,20)
Lợi Nhuận Sau Thuế (Triệu VND)	1.296,9	1.030,5	1.200,0	1.706,4	2.316,9	1.012,7	1.500,3
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	(5,7)	(179,5)	16,4	65,6	35,8	87,5	45,6
Tỷ Suất Lợi Nhuận Gộp (%)	16,1	14,7	n/a	15,0	16,7	18,5	15,7
Tỷ Suất Lợi Nhuận Ròng (%)	7,3	6,1	6,5	8,8	9,0	12,0	9,0
ROE (%)	18,6	13,2	n/a	20,0	24,1	11,2	16,6
ROA (%)	8,0	5,6	n/a	8,6	11,1	4,8	7,1
EPS (VND)	4.080,1	2.459,2	2.863,6	4.072,0	5.528,9	2.416,6	3.580,3
Tăng Trưởng EPS (%)	-	(39,7)	16,4	65,6	35,8	n/a	45,6
DPS (VND)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	n/a	n/a
BVPS (VND)	23.557,0	19.409,3	n/a	21.301,2	24.526,0	21.544,5	21.544,5
P/E (x)	8,9	14,8	12,7	8,9	6,6	15,0	10,1
P/B (x)	1,5	1,9	n/a	1,7	1,5	1,7	1,7
Nợ/Vốn Chủ Sở Hữu (x)	1,3	1,3	n/a	1,2	1,0	1,3	1,3
Khả Năng Thanh Toán (x)	1,4	1,4	n/a	1,6	1,5	1,2	1,2

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NHÀ ĐẦU TƯ

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VFMVF1)

◆ Thông báo về việc chuyển đổi quỹ, mở tài khoản giao dịch

- Ngày 8/10/2013, Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) đã nhận được Giấy chứng nhận lập Quỹ mở do UB-CKNN cấp.
- Ngày 9/10/2013, công ty VFM đã gửi Thư thông báo xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ và Hướng dẫn mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở VFMVF1 đến toàn bộ nhà đầu tư có tên trong Danh sách tổng hợp Người sở hữu Chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp ngày 30/9/2013. Theo đó, Nhà đầu tư thực hiện việc mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các đại lý phân phối chỉ định của Quỹ VFMVF1 để có thể giao dịch.
- Để có thể giao dịch vào kỳ giao dịch đầu tiên – **thứ Năm ngày 7/11/2013**, nhà đầu tư cần nộp hồ sơ mở tài khoản về Đại lý Phân phối chỉ định của quỹ từ **21/10/2013 đến 31/10/2013**. Sau thời gian này, Đại lý Phân phối chỉ định của quỹ vẫn tiếp tục nhận hồ sơ mở tài khoản để nhà đầu tư có thể giao dịch vào những kỳ giao dịch tiếp theo.

◆ Danh sách đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở chỉ định hiện tại

(Danh sách này sẽ được cập nhật khi quỹ có Đại lý phân phối mới)

- CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)
Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84-8) 3825 1488 (ext: 141/144/148/126) Fax: (84-8) 3825 1489 Hotline: (84-8) 3825 1480
- CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)
Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
ĐT (84-8) 3823 3299 Fax: (84-8) 3823 3301
Chi nhánh tại Hà Nội:
Địa chỉ: Lầu 4-5, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 3933 4693 Fax: (84-4) 3933 4822

◆ Tài liệu tham khảo

Để biết thêm chi tiết các thông tin liên quan đến giao dịch quỹ mở VFMVF1, NĐT vui lòng tham khảo các tài liệu sau được đăng tải trên website tại trang <http://vinafund.com.php?act=document&id=7>

- Thông báo thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ mở VFMVF1;
- Bản cáo bạch chuyển đổi Quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ quỹ chuyển đổi;
- Các phiếu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Hướng dẫn điền Phiếu đăng ký Giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Hướng dẫn Nhà đầu tư mở tài khoản và giao dịch.

LIÊN HỆ

Mọi thông tin chi tiết về hoạt động của các Quỹ và các tài liệu liên quan, Quý nhà đầu tư vui lòng xem thêm tại trang web của công ty VFM www.vinafund.com hoặc email vào địa chỉ ir@vinafund.com.

CẬP NHẬT THÔNG TIN PHÁP LÝ

Vào quý III/2013, cơ quan nhà nước đã ban hành 02 văn bản nổi bật về thị trường chứng khoán, cụ thể là: Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ban hành ngày 23/9/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Quyết định số 428/QĐ-UBCK ban hành ngày 11/7/2013 về việc ban hành quy chế hướng dẫn thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý. Nhìn chung, hai văn bản này đều được điều chỉnh nhằm đảm bảo thị trường chứng khoán minh bạch, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho Nhà đầu tư, cụ thể như sau:

- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2013, thay thế Nghị định số 85/2010/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. So với văn bản cũ (Nghị định số 85/2010/NĐ-CP), văn bản này quy định khắc khe hơn, chẳng hạn như:
 - Mức phạt tiền đều được nâng cao hơn nhiều (ví dụ: Mức phạt tiền đối với hành vi gian lận từ 1.200.000.000 đến 1.400.000.000 đồng (trước đây là 500.000 đồng); Mức phạt tiền đối với giao dịch thao túng thị trường chứng khoán từ 1.000.000.000 đến 1.200.000.000 đồng (trước đây từ 200.000 đến 300.000 đồng); Mức phạt tiền đối với giao dịch nội bộ từ 800.000.000 đến 1.000.000.000 đồng (trước đây từ 150.000 đến 200.000 đồng).
 - Đối tượng áp dụng chi tiết cụ thể hơn (ví dụ: mức phạt và hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm về chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Việt Nam của công ty đại chúng; phát hành trái phiếu riêng lẻ tại Việt Nam; chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài và phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam...).
- Quyết định số 428/QĐ-UBCK ban hành quy chế hướng dẫn thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý. Văn bản này quy định Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với công ty và các quỹ, danh mục đầu tư do công ty quản lý; ban hành chiến lược, chính sách, quy trình quản lý rủi ro, và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày 31 tháng 3 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Trụ sở chính

Phòng 1701-1704, lầu 17, toà nhà Mê Linh Point

Số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 38251489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, lầu Hoàn Kiếm, toà nhà HCO

44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

ir@vinafund.com

www.vinafund.com